

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index vừa giằng co vừa giảm trong phiên sáng. Sang đến phiên chiều, đà bán gia tăng khiến VN-Index lùi xuống đóng cửa tại mốc 1,843.72 điểm, giảm hơn 27 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bảo hiểm giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp. Ở chiều ngược lại, ngành Tiện ích có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trước khả năng thị trường hoàn thành mô hình hai đỉnh.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 26/01/2026, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-27.07** điểm, đóng cửa tại **1843.72** điểm. HNX-Index **-5.66** điểm, đóng cửa tại **247.3** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+3.93)**, **BID (+2.69)**, **VCB (+1.85)**, **GVR (+1.60)**, **VNM (+0.79)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-8.97)**, **VHM (-3.13)**, **MBB (-1.44)**, **VJC (-1.41)**, **CTG (-1.33)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **29,395** tỷ đồng, tăng **7.01%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 32,172 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 46.24 điểm. Thị trường có **73** mã tăng, 45 mã tham chiếu, **264** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **109.54** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **BID (218.86 tỷ)**, **VNM (185.87 tỷ)**, **VCI (148.25 tỷ)**, **PLX (142.63 tỷ)**, **GAS (118.81 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **61.22** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.81%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - BID (+3.35%)** ([Link báo cáo](#))
 - VNM (+2.53%)** ([Link báo cáo](#))
 - VCI (+2.51%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-1.77%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - GAS (+6.94%)** ([Link báo cáo](#))
 - GVR (+4.74%)** ([Link báo cáo](#))
 - PLX (+4.40%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.81%	-2.05%	-1.45%	-2.19%
1 tuần	-1.14%	-1.86%	-2.79%	-2.96%
1 tháng	10.94%	5.40%	6.59%	3.37%
3 tháng	10.02%	-0.09%	9.71%	4.26%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,843.72	247.30	126.56
% 1D	-1.45%	-2.24%	-0.40%
GTKL (tỷ VND)	29,395	1,984	710
%1D	7.01%	6.40%	-56.34%
GDNN (tỷ VND)	109.54	61.22	-15.62

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
BID	218.86	VCB	-195.84
VNM	185.87	DGC	-106.26
VCI	148.25	MWG	-95.66
PLX	142.63	VJC	-78.59
GAS	118.81	HDB	-65.24

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,916	0.03%	-0.42%
FTSE100	10,139	-0.04%	-0.55%
Eurostoxx	5,948	0.23%	0.16%
Shanghai	4,133	-0.09%	0.45%
Nikkei	52,885	-1.79%	-1.35%

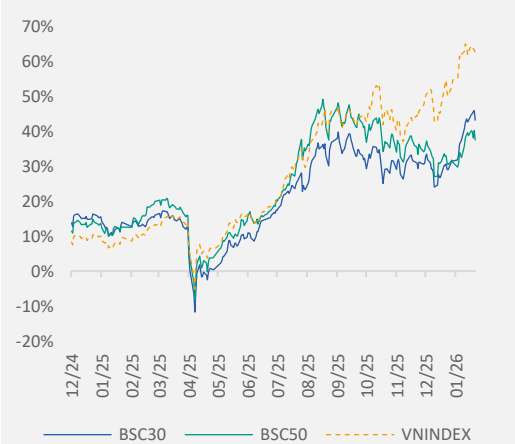
Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	66.05	0.25%
Giá vàng	5,086	2.21%
Tỷ giá		
USD/VND	26,368	-0.05%
EUR/VND	31,864	0.82%
JPY/VND	174	2.35%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	6.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

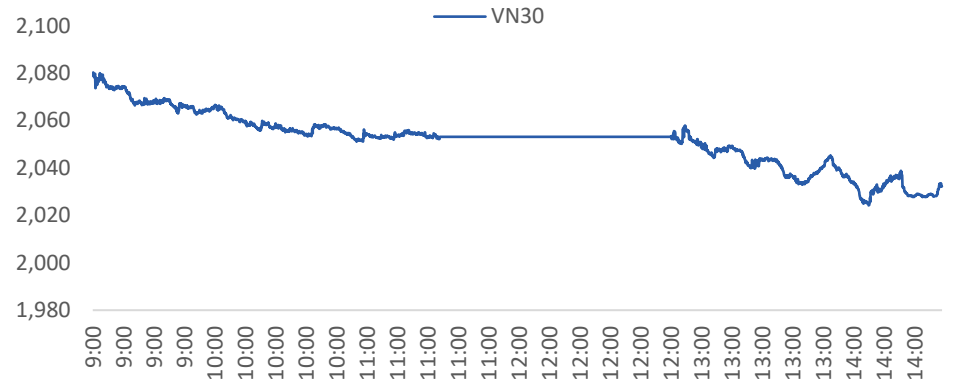
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G2000	2036.00	-1.93%	264,755	4.5%	13/02/2026	18
41I1G6000	2035.00	-2.04%	53	39.5%	18/06/2026	143
41I1G9000	2032.30	-2.31%	69	86.5%	17/09/2026	234
41I1G3000	2047.30	-1.38%	922	56.54%	19/03/2026	52

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -45.48 điểm, đóng cửa tại 2032.28 điểm. Biên độ dao động 56.08 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VIC, VJC, VHM, HPG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ trong phiên giao dịch hôm nay. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2508	5/02/2026	10	99,700	40.04%	136.57	200	100.0%	0.00	137.94	98.50	98.50
CVPB2529	9/02/2026	14	9,800	36.54%	37.80	90	50.0%	0.00	37.89	27.75	27.75
CVNM2509	23/02/2026	28	68,900	3.56%	66.48	660	37.5%	0.46	71.35	68.90	68.90
CVRE2519	3/06/2026	128	100	18.58%	30.00	1,690	34.1%	0.88	36.76	31.00	31.00
CMWG2606	1/06/2026	126	200	13.53%	85.00	1,310	31.0%	0.89	95.48	84.10	84.10
CSTB2524	23/06/2026	148	3,100	20.00%	53.90	4,100	26.2%	2.27	74.40	62.00	62.00
CVNM2518	3/04/2026	67	123,600	4.63%	65.11	730	21.7%	0.56	72.09	68.90	68.90
CVNM2503	26/03/2026	59	631,900	3.05%	63.21	1,700	15.6%	1.46	71.00	68.90	68.90
CVNM2517	3/02/2026	8	143,400	0.44%	63.94	550	14.6%	0.53	69.20	68.90	68.90
CVNM2521	25/06/2026	150	182,300	12.52%	67.30	1,070	13.8%	0.59	77.53	68.90	68.90
CMSN2522	8/12/2026	316	923,300	44.37%	93.90	1,180	12.4%	0.38	111.60	77.30	77.30
CMSN2519	20/05/2026	114	4,800	21.60%	86.00	1,600	11.9%	0.66	94.00	77.30	77.30
CFPT2523	25/03/2026	58	67,300	23.13%	116.59	190	11.8%	0.02	121.29	98.50	98.50
CVNM2515	23/06/2026	148	288,100	4.67%	57.36	3,860	10.3%	3.40	72.12	68.90	68.90
CVNM2519	4/05/2026	98	255,100	6.28%	65.96	760	8.6%	0.57	73.23	68.90	68.90
CMWG2516	23/06/2026	148	17,500	15.58%	79.85	2,200	7.8%	1.32	97.20	84.10	84.10
CVNM2601	28/12/2026	336	41,000	10.96%	64.00	2,490	6.9%	2.08	76.45	68.90	68.90
CVNM2522	8/06/2026	133	355,200	6.28%	57.84	1,610	5.2%	1.30	73.23	68.90	68.90
CMSN2521	8/06/2026	133	57,400	19.53%	82.20	680	4.6%	0.34	92.40	77.30	77.30
CVNM2511	20/05/2026	114	201,600	3.12%	52.58	3,220	3.9%	2.99	71.05	68.90	68.90

Nguồn: BSC

- Chú thích:

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 26/01/2026, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
 - CFPT2508 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 100.00%. CSTB2521 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.07%.
 - CFPT2606, CVHM2521, CVRE2526, CVRE2525, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2512, CVHM2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	107.80	6.94%	3.93	2.41
BID	52.50	3.35%	2.69	7.02
VCB	69.60	1.46%	1.85	8.36
GVR	38.65	4.74%	1.60	4.00
VNM	68.90	2.53%	0.79	2.09

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	165.30	9.98%	1.90	0.20
PVS	39.40	1.81%	0.21	0.51
PLC	33.80	4.64%	0.07	0.08
TPP	12.60	9.57%	0.04	0.06
HTC	33.40	9.87%	0.03	0.02

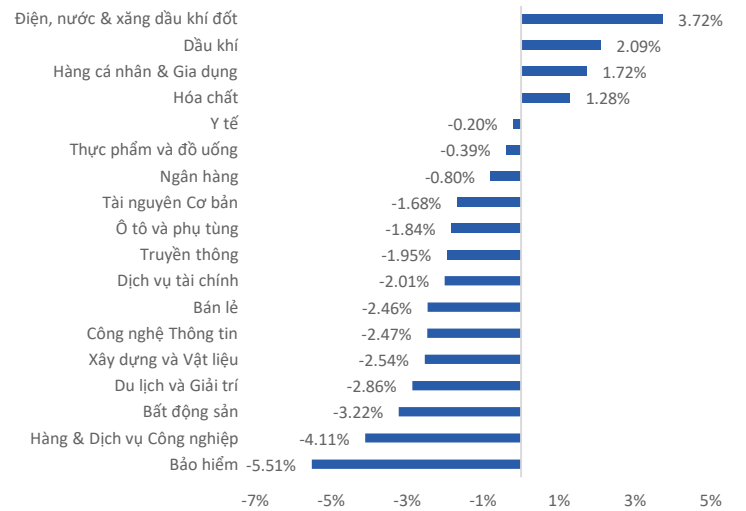
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PNC	26.75	7.00%	0.00	0.00
COM	34.40	7.00%	0.01	0.00
STG	40.65	6.97%	0.06	0.00
GAS	107.80	6.94%	3.91	6.12
MDG	36.35	6.91%	0.01	0.15

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	165.30	9.98%	14.04	0.09
HTC	33.40	9.87%	0.23	0.00
MKV	21.40	9.74%	0.04	0.05
TPP	12.60	9.57%	0.32	0.03
AMC	14.00	9.38%	0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	159.90	-3.33%	-8.97	7.73
VHM	118.90	-2.94%	-3.13	4.11
MBB	26.10	-3.15%	-1.44	8.05
VJC	182.00	-5.99%	-1.41	0.59
CTG	38.20	-2.05%	-1.33	7.77

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	65.00	-3.56%	-1.20	0.90
PVI	86.10	-4.33%	-0.50	0.23
CEO	18.20	-6.19%	-0.37	0.57
HUT	15.20	-3.80%	-0.36	1.07
BAB	12.60	-4.55%	-0.33	1.00

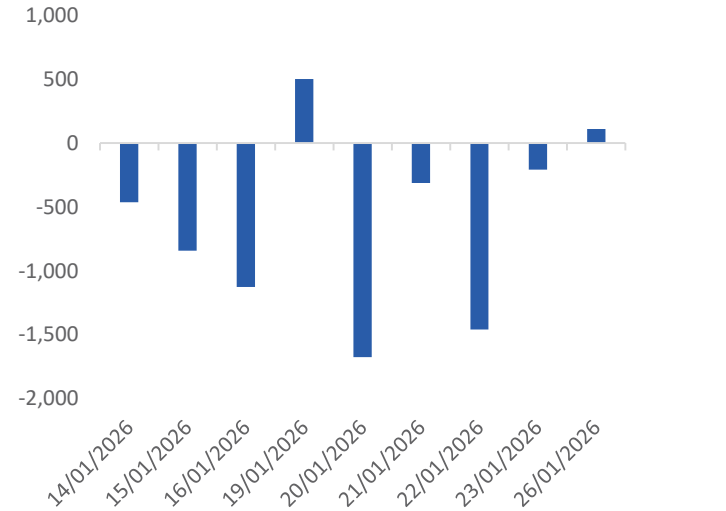
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	6.14	-6.97%	0.00	0.00
HAG	16.70	-6.96%	-0.32	20.67
PMG	8.45	-6.94%	-0.01	0.02
PET	30.90	-6.93%	-0.05	3.39
HID	6.46	-6.92%	-0.01	1.40

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NFC	64.00	-9.99%	-0.43	0.00
HHC	134.80	-9.95%	-0.94	0.00
CMC	9.70	-9.35%	-0.02	0.00
ITQ	3.00	-9.09%	-0.04	0.47
CAN	27.50	-8.64%	-0.05	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	84.1	-2.0%	1.2	123,497	601.6	3,957	21.3	106,000	47.8%	Link
KBC	Bất động sản	33.8	-6.9%	1.4	31,831	389.0	1,872	18.1	46,000	11.2%	Link
KDH	Bất động sản	27.7	-4.3%	1.1	31,029	153.9	857	32.3	39,900	27.3%	Link
PDR	Bất động sản	17.4	-2.5%	1.7	17,312	199.0	211	82.4	28,200	7.3%	Link
VHM	Bất động sản	118.9	-2.9%	1.0	488,371	496.3	6,133	19.4	119,600	8.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	98.5	-2.5%	0.7	167,795	1230.5	5,280	18.7	118,700	39.5%	Link
BSR	Dầu khí	20.9	1.0%	0.0	104,402	514.7	413		23,200	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	39.4	1.8%	1.4	20,150	363.4	2,841	13.9	42,800	15.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.9	-3.2%	1.4	24,731	430.5	1,454	15.8		33.8%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	31.0	-2.8%	1.4	77,224	817.3	1,878	16.5		33.2%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	36.8	2.5%	1.2	31,284	882.8	1,849	19.9		16.5%	Link
DCM	Hóa chất	34.8	-3.5%	1.2	18,423	199.6	3,578	9.7	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	68.8	-6.9%	1.0	26,129	504.3	8,296	8.3	109,300	6.3%	Link
ACB	Ngân hàng	24.8	-1.0%	0.9	127,389	350.8	3,385	7.3	28,400	28.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.2	-2.1%	1.3	296,697	677.6	4,292	8.9	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	28.4	-4.2%	1.2	141,900	675.2	3,002	9.4	34,400	23.0%	Link
MBB	Ngân hàng	26.1	-3.2%	1.2	210,235	849.8	3,017	8.7	29,300	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	12.3	-1.6%	1.0	38,220	511.6	1,729	7.1	14,000	29.4%	Link
STB	Ngân hàng	62.0	-1.0%	1.0	116,883	962.4	6,519	9.5		14.1%	Link
TCB	Ngân hàng	35.7	-2.3%	1.1	252,624	735.0	3,577	10.0	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.1	-0.9%	1.2	47,436	158.6	2,358	7.3	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	69.6	1.5%	1.0	581,555	919.3	4,202	16.6	73,200	21.4%	Link
VIB	Ngân hàng	17.5	-2.0%	0.9	59,400	174.7	2,225	7.8	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	27.8	-2.6%	1.3	220,166	977.2	3,024	9.2	35,650	25.1%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.3	-1.7%	1.2	201,865	903.4	1,876	14.0	33,170	20.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	-2.8%	1.5	9,874	81.8	1,184	13.4	19,800	4.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.6	-2.1%	1.0	10,603	291.9	4,150	6.6	28,800	1.8%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.3	-2.2%	1.2	111,769	537.3	2,196	35.2	98,300	22.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	68.9	2.5%	0.5	143,998	608.7	4,160	16.6	64,500	50.2%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.3	-3.28%	1.3	9,787	121.1	2,408	18.4	21.9%		Link
FRT	Bán lẻ	145.1	-4.41%	0.7	24,711	113.0	3,620	40.1	32.3%		Link
BVH	Bảo hiểm	67.8	-6.61%	1.1	50,329	132.9	3,578	19.0	26.7%		Link
DIG	Bất động sản	15.6	-3.42%	1.5	12,385	163.7	513	30.3	3.1%		Link
DXG	Bất động sản	14.7	-4.25%	1.5	16,296	268.1	396	37.0	23.6%		Link
HDC	Bất động sản	21.0	-3.90%	1.5	4,185	90.6	2,559	8.2	2.6%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	25.2	-4.18%	1.5	9,323	70.3	938	26.9	19.0%		Link
IDC	Bất động sản	44.0	-3.30%	1.5	16,698	218.0	4,849	9.1	13.3%		Link
NLG	Bất động sản	29.4	-1.18%	1.3	14,238	65.9	2,162	13.6	43.2%		Link
SIP	Bất động sản	56.1	-3.28%	1.1	13,583	26.3	5,474	10.3	2.8%		Link
SZC	Bất động sản	30.4	-2.88%	1.2	5,463	26.7	1,917	15.8	2.8%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	14.6	-4.89%	1.6	13,317	109.7	801	18.2	10.3%		Link
VIC	Bất động sản	159.9	-3.33%	0.8	1,232,194	374.4	1,147	139.4	3.1%		Link
VRE	Bất động sản	31.0	-4.32%	1.1	70,442	188.8	2,144	14.5	12.6%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.0	-2.92%	1.2	8,140	20.4	1,680	20.8	38.2%		Link
PLX	Dầu khí	57.0	4.40%	0.9	72,424	816.2	2,090	27.3	15.2%		Link
PVD	Dầu khí	27.4	-0.72%	1.0	15,231	356.3	1,602	17.1	10.7%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.3	-1.07%	1.3	11,175	32.9	1,161	27.8	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	26.1	-1.51%	1.8	17,192	119.5	1,887	13.8	1.0%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	107.8	6.94%	1.1	260,116	655.5	5,014	21.5	2.3%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.0	0.72%	1.2	42,950	285.2	674	20.8	5.0%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.8	-1.59%	0.6	33,474	44.6	4,776	12.9	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	182.0	-5.99%	0.8	107,673	269.7	2,897	62.8	7.0%		Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	36.7	-6.38%	1.7	33,118	623.3	2,313	15.9	8.4%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	64.0	-6.57%	1.1	27,296	203.8	3,492	18.3	38.3%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.3	-2.43%	0.9	9,507	147.9	6,185	9.1	7.2%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.4	2.77%	1.0	9,587	130.7	2,090	9.8	10.6%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	113.0	-1.48%	0.0	13,761	129.8	3,139	36.0	5.4%		Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	116.8	3.91%	1.1	39,846	443.6	6,907	16.9	48.0%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.2	0.00%	0.9	3,047	44.2	2,535	10.7	48.5%		Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.8	-4.57%	1.5	2,420	35.3	3,163	5.9	17.3%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	23.0	-6.31%	1.2	15,638	260.1	1,212	19.0	3.9%		Link
GVR	Hóa chất	38.7	4.74%	1.4	154,600	334.2	1,569	24.6	0.7%		Link
EIB	Ngân hàng	21.6	-4.21%	1.2	40,235	212.6	1,635	13.2	3.0%		Link
LPB	Ngân hàng	41.9	-1.18%	0.4	125,167	59.7	3,824	11.0	0.8%		Link
NAB	Ngân hàng	14.4	-1.37%	0.4	24,620	20.6	2,337	6.1	1.7%		Link
OCB	Ngân hàng	11.8	-1.26%	0.8	31,291	37.3	1,460	8.1	19.8%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.9	-3.26%	1.4	6,646	77.1	571	26.0	5.2%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.2	0.93%	1.2	7,229	28.7	3,754	7.2	3.1%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.8	-1.95%	0.5	11,492	141.8	1,715	22.0	4.1%		Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.5	-1.62%	0.5	62,204	86.3	3,373	14.4	58.4%		Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.0	1.69%	1.0	13,467	57.0	6,944	8.6	20.4%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	155.1	-1.84%	0.3	12,697	37.6	15,010	10.3	84.6%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	76.9	3.08%	1.1	8,190	90.2	6,245	12.3	48.8%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	94.9	-1.15%	1.3	10,855	93.7	5,128	18.5	5.6%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.4	-1.22%	1.3	4,475	36.1	3,037	14.6	8.9%		Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.3	-3.15%	1.3	6,730	77.0	1,095	11.2	10.5%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.6	-3.21%	1.1	9,295	191.2	1,377	16.4	13.9%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.3	-6.80%	1.0	13,737	537.4	6,148	3.5	4.2%		Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.1	-4.55%	1.5	20,669	75.5	3,090	14.9	2.6%		Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
2	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SỐNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
3	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
4	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
5	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
6	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
7	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
9	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
17	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
18	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
19	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>